

Số: 2704/2024/CV-DST

Nam Định, ngày 27 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội
Ủy ban chứng khoán Nhà nước

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

- Mã chứng khoán: DST

- Địa chỉ: 13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

- Điện thoại liên hệ: 0228.3849498 – 0228.3845620

Fax: 022838339121

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/04/2024 tại đường dẫn: <http://www.saothanglong.vn/bao-cao-thuong-nien-nam-2023/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo thường niên năm 2023

Đại diện tổ chức

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

Số: 270401/2024BC-DST

Nam Định, ngày 27 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG NĂM 2023

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG
- Tên tiếng Anh: SAO THANG LONG INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: STLI., JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0600004422
- Vốn điều lệ: 323.000.000.000 VNĐ (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 397.138.508.485 VNĐ
- Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam
- Số điện thoại: 0228.3849498-0228.3845620
- Số fax: 02283839121
- Website: saothanglong.vn
- Mã cổ phiếu: DST
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long tiền thân là Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600004422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 05/01/2005.
 - + Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp 11 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay

đổi lần thứ 11 được cấp ngày 09/08/2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.

- + Ngày 09/10/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Quyết định số 276/QĐ-TTGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định.
- + Ngày 16/10/2007, 1.000.000 cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: DST.
- + Cuối năm 2015, Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần để tăng vốn Điều lệ của Công ty lên 165 tỷ đồng. Ngày 03/12/2015, 15.500.000 cổ phiếu của Công ty được niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định.
- + Ngày 13/01/2017, Công ty phát hành thành công 15.800.000 cổ phần để tăng vốn Điều lệ. Theo đó, vốn Điều lệ của Công ty được điều chỉnh từ 165 tỷ lên thành 323 tỷ đồng.
- + Ngày 14/02/2017, 15.800.000 cổ phiếu của Công ty được niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Qua đó, đưa tổng số lượng cổ phiếu đang niêm yết của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội lên 32.300.000 cổ phiếu.
- + Ngày 28/12/2017, Công ty đổi tên thành: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long. Cùng với việc đổi tên, Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long cũng thay đổi định hướng để trở thành một Doanh nghiệp đầu tư.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh
1	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm
2	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Rang và lọc cà phê; sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; sản xuất các chất thay thế cà phê; Trộn chè và chất phụ gia; sản phẩm chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; các chế phẩm khác từ thóc
3	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt; thủy sản; rau, quả, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác trong các cửa

		hàng chuyên doanh: cà phê bột, cà phê hòa tan, chè, hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương;
4	2432	Đúc kim loại màu
5	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
6	1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
7	0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ
8	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
9	1623	Sản xuất bao bì bằng gỗ
10	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
11	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
12	1061	Xay xát và sản xuất bột thô
13	1030	Chế biến và bảo quản rau quả
14	2431	Đúc sắt, thép
15	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
16	1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
17	1062	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
18	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic
19	4633	Bán buôn đồ uống
20	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)

21	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ than
22	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
23	4311	Phá dỡ
24	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
25	4321	Lắp đặt hệ thống điện
26	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
27	4710	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
28	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh
29	4690	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa; trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải; Thuốc lá và xì gà; Dầu thô và dầu đã qua chế biến; Dược phẩm; Thuốc nổ; Sách, báo và tạp chí; Kim loại quý và đá quý; Vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu và các loại hàng hóa Nhà nước cấm
30	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
31	4211	Xây dựng công trình đường sắt
32	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài và Đấu giá hàng hóa)
33	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ ngô tại các cửa hàng chuyên doanh
34	4212	Xây dựng công trình đường bộ
35	4101	Xây dựng nhà để ở

36	8511	Giáo dục nhà trẻ
37	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
38	4102	Xây dựng nhà không để ở
39	4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc
40	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
41	8512	Giáo dục mẫu giáo
42	4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
43	4291	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Xây dựng công trình như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch, cửa cống, ... + Đập và đê
44	4229	Xây dựng công trình công ích khác
45	4292	Xây dựng công trình khai khoáng Chi tiết: Xây dựng các nhà máy lọc dầu
46	6612	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa
47	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng các xưởng hóa chất
48	4631	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì Chi tiết: Bán buôn gạo
49	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng đường hầm; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời
50	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu

		Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; Tư vấn mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa (Không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật, chứng khoán)
--	--	---

2.2. Địa bàn kinh doanh: Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long hoạt động chủ yếu tại địa bàn tỉnh Nam Định và các tỉnh lân cận (Thái Bình, Hà Nội,...).

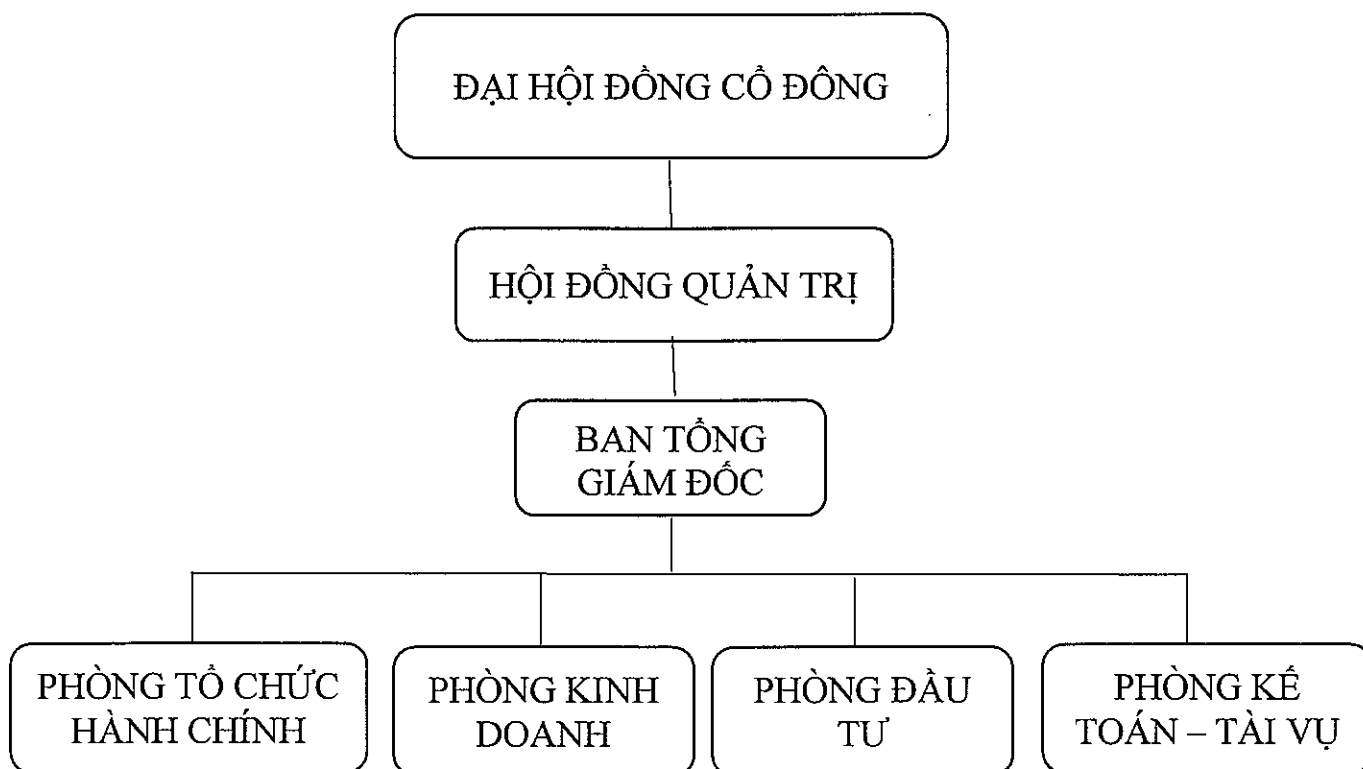
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

- Mô hình quản trị: Hiện tại Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đang được tổ chức và hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty Cổ phần theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã xây dựng tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng phòng. Cơ cấu tổ chức của công ty bao gồm :



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên

Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho công ty và cổ đông, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long.

Hội đồng quản trị

Là tổ chức quản trị, điều hành cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. HĐQT hiện tại gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. HĐQT nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT trên cơ sở Điều lệ và các quy định nội bộ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

BKS của Công ty có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá tình hình tuân thủ, tính chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ liên quan đến mọi mặt của Công ty.

Chủ trì công tác giám sát thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động được ĐHĐCĐ quyết nghị, tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ... đưa ra các khuyến cáo, kết luận về sai phạm, bất hợp lý, thiếu hiệu quả trong hoạt động hoặc cảnh báo những rủi ro về pháp luật, về lợi ích kinh tế có thể xảy ra.

Giám sát đảm bảo tính hợp pháp, tính trung thực, hợp lý và mức độ cần trọng cần thiết của bộ máy trong công tác kế toán, thống kê, xây dựng các Báo cáo tài chính doanh nghiệp và phối hợp trong thuyết minh, thuyết trình với các cơ quan chức năng (bộ ngành, kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế, kiểm toán độc lập,...) nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp, chính đáng của công ty, cổ đông theo quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ.

BKS hoạt động độc lập một cách tương đối về nghiệp vụ với HĐQT và TGD trên cơ sở Điều lệ, quy chế quản trị, quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, Trường BKS hoạt động chuyên trách tại công ty.

Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc. TGD thực hiện quyền và nghĩa vụ theo điều lệ quy định.

TGD là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc có Phó Tổng Giám đốc, PTGD được phân công, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ do TGD giao, TGD quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của PTGD bằng văn bản phân công nhiệm vụ.

Khi TGD vắng mặt, Phó TGD được ủy quyền thay mặt TGD để giải quyết công việc chung của DST và phải chịu trách nhiệm về các công việc mà mình đã quyết định trong thời gian ủy quyền.

Các phòng ban chức năng

a) Phòng Kinh doanh

- + Xây dựng chiến lược kinh doanh tổng thể cho Công ty ;
- + Tìm đối tác kinh doanh ;
- + Khai thác các dịch vụ kinh doanh sau khi dự án đầu tư hoàn thành ;
- + Cung cấp các tài liệu phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty ;
- + Tiếp thị các ngành hàng, sản phẩm của Công ty ;
- + Nghiên cứu đánh giá thị trường ;
- + Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm và quảng bá sản phẩm ;
- + Quản lý cập nhật thông tin website ;
- + Là bộ phận cung cấp thông tin ra bên ngoài của Công ty.

b) Phòng Kế toán – tài vụ

- + Hoạch định chính sách đầu tư ;
- + Chính sách tài chính, huy động vốn và quan hệ ngân hàng ;
- + Phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh ; chính sách phân phối thu nhập ;
- + Thực hiện các biện pháp rủi ro về tài chính, phân tích rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro ;
- + Thực hiện các nghiệp vụ kế toán ; thực hiện công tác bảo lãnh ngân hàng ;
- + Lập kế hoạch kinh doanh và phát triển tổng hợp cho Công ty ;
- + Tham mưu cho ban lãnh đạo trong việc xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển công ty.

c) Phòng Tổ chức hành chính

- + Xây dựng nội quy, quy chế làm việc ;
- + Xây dựng chính sách, chế độ cho nhân sự ;
- + Quản lý lao động ;
- + Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ;
- + Đề xuất các chế độ lương thưởng ;
- + Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các cán bộ nhân viên ;

- + Quản lý bảo vệ trang thiết bị cơ sở hạ tầng, văn phòng ;
- + Quản lý mạng thông tin nội bộ, điều phối giao nhận văn thư, bưu phẩm ;
- + Quản lý hồ sơ, biểu mẫu, văn phòng phẩm.

d) Phòng đầu tư

- + Quản lý các dự án, tài sản đầu tư, vốn đầu tư của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết ;
- + Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, xây dựng các công trình thuộc các dự án của Công ty ;
- + Quản lý, đưa vào sử dụng có hiệu quả các công trình của Công ty ;
- + Quản lý công tác duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng công trình ;
- + Quản lý và theo dõi tiến độ, thanh lý, gia hạn các hợp đồng về công trình xây lắp ;
- + Quản lý và triển khai theo thiết kế, dự toán, tiến độ thực hiện các công trình đầu tư ;
- + Thực hiện các công việc khác theo sự phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

3.2.1. Công ty con

- Tên Công ty: Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định
- Địa chỉ trụ sở chính: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Vốn Điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng)
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của DST: 99,88%

3.2.2. Công ty liên kết

- Tên Công ty: Công ty CP Chợ Mơ
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 12 ngõ 69 phố Ái Mộ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Vốn Điều lệ: 93.500.000.000 VNĐ (Chín mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng)
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của DST: 49%

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- + Phát triển Công ty một cách ổn định, bền vững, bảo toàn nguồn vốn và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên.
- + Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, nhân sự... nâng cao vai trò tự chủ và hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- + Bằng nội lực của mình cũng với sự hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, tận dụng triệt để các cơ hội đầu tư, trở thành một trong những Công ty đầu tư uy tín và hiệu quả trên thị trường.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- + Tập trung phát triển ngành nghề chủ đạo hiện có;
- + Mở rộng các hoạt động đầu tư khác sang các lĩnh vực tiềm năng: bất động sản, đầu tư cổ phần tư nhân, nghỉ dưỡng,..
- + Mở rộng quy mô kinh doanh theo hướng phát triển thị trường. Tập trung quảng bá thương hiệu, thu hút khách hàng, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh với quy mô lớn theo định hướng phát triển thị trường;
- + Xây dựng, phát huy hình ảnh cũng như thương hiệu của Công ty. Xây dựng, phát triển các thương hiệu, sản phẩm mới (nếu có).

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- + Tập trung và đầu tư thích đáng cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm đón đầu xu hướng thị trường và gia tăng lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ hoạt động trong ngành;
- + Tạo dựng được uy tín, thương hiệu đối với đối tác, khách hàng;
- + Duy trì tốc độ tăng trưởng, đóng góp ngân sách ngày càng tăng, quan tâm công tác xã hội, tích cực hỗ trợ các địa phương, thực hiện các chương trình thiện nguyện, vì cộng đồng,...
- + Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty;
- + Chăm sóc đời sống tinh thần, thực hiện tốt và ngày càng gia tăng chế độ phúc lợi cho người lao động Công ty; tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nhằm phát triển nguồn nhân lực,
- + Công ty tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, sử dụng các vật liệu, sản phẩm thân thiện với môi trường trong hoạt động kinh doanh cũng như trong hoạt động đầu tư của Công ty.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về biến động cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo quan hệ cung cầu trên thị trường và ảnh hưởng bởi các yếu tố tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư,... Do đó giá cổ phiếu của Công ty có những biến động khó lường.

5.2. Rủi ro về kinh tế

- Nền kinh tế thị trường cùng với xu thế hội nhập đặt ra cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long rất nhiều cơ hội cũng như thách thức. Khi nền kinh tế có sự tăng trưởng thì các nhu cầu về giáo dục có sự gia tăng, thúc đẩy tăng trưởng cho các hoạt động kinh doanh trong ngành này và ngược lại.

- Những biến động về giá sách và thiết bị đầu vào, yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm ngày càng tăng,... đòi hỏi Công ty phải có một bộ máy quản trị nhân sự giỏi, các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây là một trong những rủi ro và thách thức đối với Công ty trong thời điểm hiện tại.
- Ngoài ra, những khó khăn và bất ổn kinh tế do dịch Covid-19 gây ra đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty.

5.3. Rủi ro về pháp luật

- Trong năm vừa qua, pháp luật về thị trường chứng khoán đang dần hoàn thiện dẫn đến nhiều quy định mới có hiệu lực trong năm 2021 vừa qua.
- Ngoài ra, với lĩnh vực đầu tư bất động sản Công ty đang có kế hoạch triển khai, Công ty luôn chịu ảnh hưởng lớn vào các quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại từng thời điểm.
- Để hạn chế rủi ro bỏ lỡ quy định mới của pháp luật, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, nắm bắt tinh thần mới của các quy định pháp luật. Từ đó áp dụng xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

5.4. Rủi ro đặc thù

- Mặt hàng chủ yếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long là sách giáo khoa và thiết bị giáo dục, ngoài ra còn một số sản phẩm khác như vở học sinh, lịch block...
- Sách giáo khoa hàng năm được bổ sung, sửa đổi, cập nhật nội dung thường xuyên. Do đó trong trường hợp Công ty đặt kế hoạch nhập hàng lớn hơn nhu cầu trên địa bàn thì số sách giáo khoa tồn kho khó có thể tiêu thụ trong năm sau. Bên cạnh đó, do đặc thù về thời gian tiêu thụ cao điềm vào trước năm học mới, nên lượng hàng tồn kho, nhu cầu vốn lưu động trong năm cũng như vòng quay hàng tồn kho biến động lớn.
- Đối với sách tham khảo, kết quả kinh doanh của sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào nghiên cứu nhu cầu thị trường của Công ty. Tình trạng in lậu trái phép, xuất bản tràn lan những sách tham khảo có nội dung gắn với sách giáo khoa của một số nhà xuất bản và một số tư nhân là một khó khăn gây ảnh hưởng lớn đến tình hình phát hành của Công ty mà không dễ gì khắc phục được.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đến hết năm 2023, tổng giá trị tài sản hợp nhất của Công ty có được là 422.473.047.239 đồng, tăng 2,29% so với năm 2022, lợi nhuận sau thuế đạt 1.543.965.229 đồng, giảm 95,17% so với năm 2022.

Năm 2022 cũng ghi nhận tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của riêng Công ty mẹ với lợi nhuận sau thuế đạt 1.264.468.827 đồng.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Kết quả thực hiện của Công ty trong năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023 (VNĐ)	Thực hiện 2023 (VNĐ)	Tỷ lệ thực hiện năm 2023
Tổng doanh thu	100.000.000.000	53.678.207.947	53,68%
Lợi nhuận sau thuế	10.000.000.000	1.543.804.738	15,44%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách HĐQT và Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Thay đổi trong Ban điều hành
1	Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT			0	0	
2	Bùi Việt Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	09/12/1981	Căn hộ 202, Tòa nhà văn phòng làm việc và nhà ở 143 Đốc Ngừ, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội	0	0	
3	Trần Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	13/01/1982	Số 206 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam	0	0	
4	Đoàn Văn Cường	Kế toán trưởng	12/09/1979	P1515 Berriver Long Biên, Long Biên, Hà Nội	0	0	Bổ nhiệm ngày 12/01/2023

2.2. Danh sách ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Thay đổi
-----	--------	---------	----------	---------	-------------	---------	----------

1	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng BKS	25/05/1984	Tổ 57 TT Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	0	0	
2	Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên BKS	08/06/1985	Hà Nội	0	0	Miễn nhiệm ngày 24/04/2023
3	Nguyễn Trường Sơn	Thành viên BKS	07/07/1982	7M12 TT Mai Hương, P. Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0	
4	Nguyễn Thị Huệ	Thành viên BKS	1995	Hà Nội	0	0	Bỏ nhiệm ngày 24/04/2023

2.3. Kế toán trưởng:

- Ông Đoàn Văn Cường: Sinh ngày 12/09/1979, hộ khẩu thường trú tại P1515 Berriver Long Biên, Long Biên, Hà Nội
- Tỷ lệ sở hữu: 0 cổ phần – chiếm 0% vốn điều lệ.

2.4. Những thay đổi trong Ban điều hành

- Ngày 24/04/2023:
 - + Miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Khánh Ly đối với chức vụ Thành viên BKS;
 - + Bầu bà Nguyễn Thị Huệ chức vụ Thành viên BKS.

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Cùng với hoạt động kinh doanh, Công ty cũng chú trọng công tác xây dựng tổ chức, xây dựng đội ngũ, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được Công ty quan tâm, phát triển.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Công ty thanh toán đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, với mục đích để người lao động có sức khỏe tốt, yên tâm làm việc, Công ty còn tổ chức cho người lao động được khám chữa bệnh định kỳ.

Công ty đã thực hiện tốt chế độ cấp phát trang thiết bị bảo hộ lao động đối với những công nhân sản xuất, thực hiện các công việc nguy hiểm theo đúng quy định về an toàn lao động, đảm bảo môi trường làm việc luôn thoáng mát, an toàn và sạch sẽ.

Tính đến hết ngày 31/12/2023, cơ cấu nhân sự của Công ty chi tiết như sau:

Lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn		
- Đại học và trên Đại học	9	82%
- Cao đẳng	1	9%
- Trung cấp và Sơ cấp	1	9%
- Lao động phổ thông		
Phân theo thời hạn hợp đồng		
- Hợp đồng không xác định thời hạn		
- Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	11	100%
- Lao động thời hạn ngắn dưới 1 năm		

(Theo báo cáo của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn:
- b) Các công ty con, công ty liên kết:

* Công ty con:

- Tên Công ty: Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định
- Địa chỉ trụ sở chính: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Vốn Điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng)
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của DST: 99,88%

* Công ty liên kết

- Tên Công ty: Công ty CP Chợ Mơ
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 12 ngõ 69 phố Ái Mộ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Vốn Điều lệ: 93.500.000.000 VNĐ (Chín mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng)
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của DST: 49%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm/%
Tổng giá trị tài sản	413.008.129.901	422.473.047.239	2,29%
Doanh thu thuần	49.839.284.204	53.678.207.947	7,70%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42.794.266.534	2.531.910.144	(94,08%)
Lợi nhuận khác	1.241.728.791	(378.244.789)	-
Lợi nhuận trước thuế	44.035.995.325	2.153.665.355	(95,11%)
Lợi nhuận sau thuế	31.939.937.157	1.543.965.229	(95,17%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	1,58	2,23	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn</i>	1,47	2,06	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,04	6,00	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,04	6,38	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	32,61	15,98	
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,13	0,13	

4.	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,64	2,88
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,08	0,39
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,08	0,37
+	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,86	4,72

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tính đến ngày 31/12/2023)

a) Cổ phần:

- + Số cổ phiếu phổ thông: 32.300.000 cổ phiếu
- + Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu đang lưu hành: 32.219.000 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu quỹ: 81.000 cổ phiếu
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2.416	32.198.550	321.985.500.000	99,94%
	Cổ đông tổ chức	2	5.000	50.000.000	0,02%
	Cổ đông cá nhân	2.414	32.193.550	321.935.500.000	99,92%
II	Cổ đông nước ngoài	16	20.450	204.500.000	0,06%
	Cổ đông tổ chức	1	2.100	21.000.000	0,01%
	Cổ đông cá nhân	15	18.350	183.500.000	0,06%
	Tổng cộng	2.432	32.219.000	322.190.000.000	100%

(Theo Danh sách cổ đông ngày 22/03/2023)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đầu năm 2017, Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 165.000.000.000 VNĐ (Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng) lên 323.000.000.000 VNĐ (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng). Các năm sau đó Công ty không tăng vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 81.000 cổ phiếu;
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Khoảng 105.000.000 đồng/ năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước kinh doanh

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Tính đến ngày 31/12/2023, công ty có 11 nhân sự, mức lương bình quân năm 2023: 15.000.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
Để khuyến khích người lao động, Công ty luôn quan tâm thực hiện các chế độ chính sách và đãi ngộ cho người lao động. Việc trả lương theo năng lực chuyên môn và hiệu quả kinh doanh để kích thích người lao động làm việc hiệu quả, góp phần tăng hiệu quả và doanh thu của Công ty.

Song song với việc khen thưởng là việc thi hành phê bình, kỷ luật cá nhân hoặc đơn vị vi phạm nội quy lao động nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm tập thể đối với công việc và trách nhiệm cá nhân trước công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm 24 giờ/năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Cán bộ nhân viên sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2023 là một năm nền kinh tế có nhiều biến động, nguyên nhân thị trường tài chính của Việt Nam diễn ra nhiều sự kiện có sức ảnh hưởng lớn. Tuy vậy, với sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao cùng với sự chỉ đạo, giúp đỡ sát sao của HĐQT, Công ty đã kết thúc năm 2023 với kết quả kinh doanh khá quan. Cụ thể, doanh thu bán hàng hóa của Công ty đạt được là 53.678.207.947 đồng tăng 7,70% so với năm 2022.
- Doanh thu cụ thể từng bộ phận như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu bán hàng hóa	49.839.284.204	53.678.207.947

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023 và năm 2022)

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tiền và các khoản tương tiền: Trong năm 2023, Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh khoản đủ để thanh toán các khoản thanh toán bù trừ và cung cấp tài chính hỗ trợ cho khách hàng. Tuy nhiên Công ty cũng sử dụng tiền một cách linh hoạt, đảm bảo sử dụng có hiệu quả vốn.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.528.381.800 đồng
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 362.317.738.235 đồng

b) Tình hình nợ phải trả

- Trong năm 2023, nợ phải trả của Công ty là 25.334.538.754 VNĐ, tăng khoảng 46,03% so với năm 2022.
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

Đơn vị: VNĐ

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	413.008.129.901	422.473.047.239	2,29%
Vốn chủ sở hữu	395.658.888.202	397.138.508.485	0,37%
Nợ phải trả	17.349.241.699	25.334.538.754	46,03%
Tổng doanh thu	49.839.284.204	53.678.207.947	7,07%
Lợi nhuận sau thuế	31.939.937.157	1.543.965.229	(95,17%)

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023 và năm 2022)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2023, nhân sự của Công ty đang được mở rộng và tuyển thêm. Các quy trình, chính sách cho từng bộ phận đã được thiết lập và cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình mới và các quy định mới của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Bên cạnh việc tạo sự tin cậy về chất lượng sản phẩm, công ty luôn có một nền tảng quản trị bền vững, cán bộ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
- Tiếp tục tăng vốn điều lệ để mở rộng kinh doanh khi có điều kiện thuận lợi về thị trường.
- Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.
- Trong những năm gần đây, hoạt động kinh doanh sách của DST gặp nhiều khó khăn do sự biến động của giá cả nguyên vật liệu đầu vào, do chương trình và thiết bị học tập được cải tiến hàng năm. Trước tình hình đó, ngoài việc tìm giải pháp để thúc đẩy hoạt động kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, chiến lược dài hạn của DST là tái cơ cấu doanh nghiệp theo hướng đa ngành nghề nhằm tăng doanh thu lợi nhuận cho công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Không có
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã theo sát chỉ đạo Công ty hoàn thành các mục tiêu tài chính, doanh thu, lợi nhuận, nhân sự...
- Các cuộc họp của HĐQT đảm bảo đúng theo quy định, việc thảo luận và biểu quyết đảm bảo công khai. Các cuộc họp của HĐQT chủ yếu về thảo luận và quyết định về nhân sự, thảo luận và quyết định các vấn đề liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty.
- Đối với trách nhiệm xã hội, Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước một cách tích cực, tham gia bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao các giá trị tốt đẹp của xã hội.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Công ty.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Căn cứ theo Điều lệ, những quy chế, quy định, phân công nhiệm vụ đã ban hành, HĐQT đã giao quyền cho Ban Tổng Giám đốc quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày đồng thời quyết định, tiến hành các kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao cho. HĐQT nhận định Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các công việc, chỉ đạo và thúc đẩy các bộ phận của Công ty hoạt động hiệu quả theo đúng định hướng đề ra từ đầu năm trong khuôn khổ pháp lý của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cũng như theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Năm 2024, tình hình kinh tế vĩ mô được dự báo sẽ đối mặt với nhiều bất ổn, mức tăng trưởng chậm lại đang xảy ra với hầu hết các nền kinh tế. Tuy với sự vào cuộc quyết liệt của Chính phủ trong việc tìm ra giải pháp của thị trường tiền tệ và thị trường vốn sẽ thúc đẩy cho sự phát triển của ngành bất động sản, xây dựng, tài chính và chứng khoán. Tốc độ phục hồi của nền kinh tế sau dịch bệnh sẽ tác động tích cực đến doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh của năm 2023 và những năm trước đó cùng các nguồn lực đã gây dựng được là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bứt phá của Công ty năm 2023 và những năm tiếp theo.
- Trên cơ sở nhìn nhận, đánh giá những cơ hội, thách thức, rủi ro và phát huy những thành quả đã đạt được của năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long xác định các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	KH năm 2024	% tăng giảm so với 2023
1	Vốn điều lệ	323.000.000.000	323.000.000.000	-
2	Doanh thu thuần	53.678.207.947	57.600.000.000	107.31%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.543.965.229	3.064.000.000	198.45%
4	Cổ tức (bằng cổ phiếu/ bằng tiền)	-	-	-

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Trần Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	0	0
3	Bùi Việt Dũng	Thành viên HĐQT	0	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các nghị quyết/ Quyết định của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	1201/2023/NQ-HĐQT	12/01/2023	Thay đổi Kế toán trưởng Công ty	100%
2	2702/2023/NQ-HĐQT	27/02/2023	Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
3	1804/QĐ-HĐQT	18/04/2023	Ban hành Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
4	2404/2023/NQ-HĐQT	24/04/2023	Rút hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ	100%
5	3105/2023/QĐ-HĐQT	31/05/2023	Chuyển nhượng Cổ Phần Công ty Cổ Phần Phát triển thương mại Vinaconex (VCTD)	100%

6	1310/2023/QĐ-DST	13/10/2023	Thay đổi người đứng đầu chi nhánh Hà Nội của Công ty	100%
---	------------------	------------	--	------

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ về quản trị rủi ro cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt các chính sách, hạn mức rủi ro;
- Xem xét báo cáo của Tổng Giám đốc và Bộ phận QTRR và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động QTRR của toàn công ty.
- Ngoài ra thành viên độc lập còn tham gia các cuộc họp HĐQT để phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, theo dõi hoạt động các thành viên HĐQT.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	0	0
2	Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	0	0
3	Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	02/02	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	01/02	100%	100%	Ngày miễn nhiệm 24/04/2023
3	Ông Nguyễn Trường Sơn	02/02	100%	100%	

4	Bà Nguyễn Thị Huệ	01/02	100%	100%	Ngày bổ nhiệm 24/04/2023
---	-------------------	-------	------	------	-----------------------------

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Tiền lương của Hội đồng quản trị: Không có
- Tiền lương của ban Tổng Giám đốc:

STT	Họ tên	Tiền lương (VNĐ/năm)
1	Bùi Việt Dũng	39.960.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2023 vừa qua, Ban lãnh đạo đã tuân thủ quy định của pháp luật về quản trị công ty, xây dựng đầy đủ các quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế hoạt động của Ban lãnh đạo: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán TTP
- Trụ sở: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (04)37 425 888
- Website: <http://kiemtoanttp.com>- <http://kiemtoanttp.vn>
- Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023.

Nơi nhận:

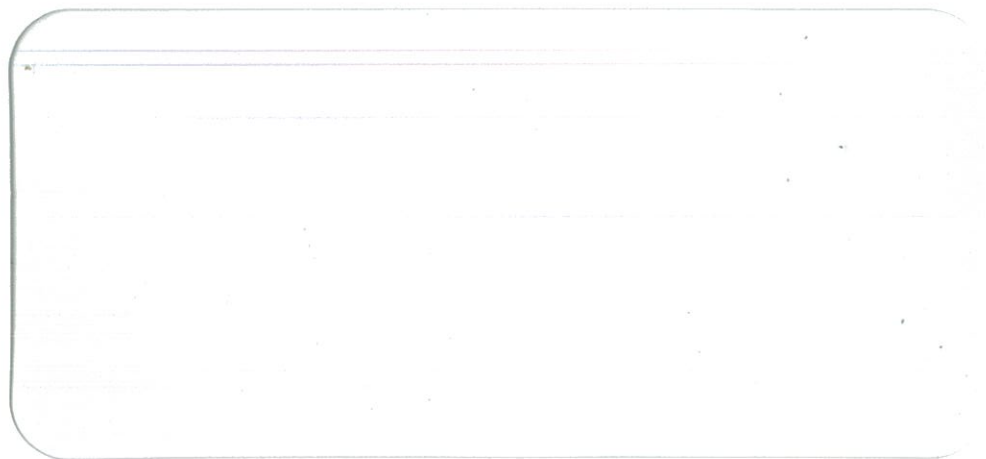
- UBCKNN;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN ĐỨC HIẾU





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà N

Điện thoại: (04) 37425 888 - Fax : (04) 37578 666

Website: <http://kiemtoanttp.com> - <http://kiemtoanttp.vn>

Email: ttp@kiemtoanttp.com

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 29
Phụ lục	30 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Tầng 4, số 459C phố Bạch Mai, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, TP .Hà Nội

SỰ KIỆN TRỌNG YẾU TRONG NĂM

Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị ngày 24 tháng 04 năm 2023 của Công ty cổ phần đầu tư Sao Thăng Long về việc: Rút hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ ngày 17/05/2022, Hội đồng quản trị đã quyết định thông qua việc rút hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ để mua sản phẩm thương mại Chợ Mơ của Công ty CP đầu tư trung tâm thương mại Vina.

Công ty đã gửi văn bản số 2205/2023/CV-DST ngày 22/05/2023 kèm theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 2404/2023/NQ-HĐQT ngày 24/4/2023 về việc dừng triển khai hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo phương án đã được thông qua tại Nghị Quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2022 số 0509/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5/9/2022 và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước gửi công văn số 3350/UBCK-QLCB ngày 06/06/2023 thông báo đã nhận được hồ sơ.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 02/01/2024, Công ty có bổ nhiệm Bà Trịnh Thị Duyên giữ chức vụ phụ trách kế toán Công ty, đồng thời miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với Ông Đoàn Văn Cường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty, Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Nhài	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm, ngày 12/01/2023
Ông Đoàn Văn Cường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm, ngày 12/01/2023
		Miễn nhiệm, ngày 02/01/2024
Bà Trịnh Thị Duyên	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm, ngày 02/01/2024

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên	Miễn nhiệm, ngày 24/04/2023
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm, ngày 24/04/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tài chính tiếp theo.
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan về lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Đại diện Pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 185 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2023
của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long

Kính gửi:

Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024



Kiểm toán viên



Hoàng Kim Thùy

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số: 1464 - 2023 - 133 - 1*

Nguyễn Thị Nam Hải

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số: 4003 - 2022 - 133 - 1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		56.427.409.537	27.448.215.531
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	971.434.937	1.857.465.888
111	1. Tiền		971.434.937	1.857.465.888
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.a	1.528.381.800	1.759.954.800
121	1. Chứng khoán kinh doanh		5.011.980.754	5.011.980.754
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(3.483.598.954)	(3.252.025.954)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		49.359.783.139	21.767.910.975
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.133.473.809	5.531.603.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	43.324.175.227	82.532.641
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	16.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	105.339.735	199.200.114
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(203.205.632)	(45.425.632)
140	IV. Hàng tồn kho	10	4.392.993.588	2.002.703.003
141	1. Hàng tồn kho		4.392.993.588	2.654.043.094
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(651.340.091)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		174.816.073	60.180.865
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	11.357.500	700.003
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		122.317.763	59.480.862
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	41.140.810	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		366.045.637.702	385.559.914.370
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		3.706.473.539	3.413.606.770
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.706.473.539	3.413.606.770
222	- Nguyên giá		4.329.998.958	3.886.947.140
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(623.525.419)	(473.340.370)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4.b	362.317.738.235	382.007.070.167
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		306.317.738.235	302.007.070.167
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		56.000.000.000	80.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		21.425.928	139.237.433
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	21.425.928	53.401.041
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	85.836.392
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		422.473.047.239	413.008.129.901

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		25.334.538.754	17.349.241.699
310	I. Nợ ngắn hạn		25.319.254.936	17.349.241.699
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	5.841.706.859	3.900.784.746
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.612.981	24.672.069
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.059.337.222	12.211.041.870
314	4. Phải trả người lao động		128.351.997	227.999.832
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		214.476.164	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	298.730.023	984.743.182
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	12.600.000.000	-
330	II. Nợ dài hạn		15.283.818	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		15.283.818	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		397.138.508.485	395.658.888.202
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	397.138.508.485	395.658.888.202
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		323.000.000.000	323.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		323.000.000.000	323.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		113.603.333	113.603.333
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(437.449.533)	(437.449.533)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		291.971.737	291.971.737
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		74.160.319.229	72.680.859.437
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		72.616.514.491	40.741.524.696
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.543.804.738	31.939.334.741
422	6. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		10.063.719	9.903.228
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		422.473.047.239	413.008.129.901

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đại diện pháp luật)



Trịnh Thị Duyên

Trịnh Thị Duyên

Nguyễn Đức Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	53.678.207.947	49.839.284.204
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		53.678.207.947	49.839.284.204
11	4. Giá vốn hàng bán	20	51.097.938.294	47.190.653.127
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		2.580.269.653	2.648.631.077
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.850.572.706	57.471.799.457
22	7. Chi phí tài chính	22	16.527.421.317	13.211.305.348
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		214.476.164	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		145.668.068	34.581.293
25	9. Chi phí bán hàng	23	534.764.730	243.606.275
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.982.414.236	3.905.833.670
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		2.531.910.144	42.794.266.534
31	12. Thu nhập khác	25	40.972.728	1.413.727.705
32	13. Chi phí khác	26	419.217.517	171.998.914
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(378.244.789)	1.241.728.791
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		2.153.665.355	44.035.995.325
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		508.579.916	12.181.894.560
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		101.120.210	(85.836.392)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		1.543.965.229	31.939.937.157
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.543.804.738	31.939.334.740
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		160.491	602.417
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	47,92	718,00
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đại diện pháp luật)





Nguyễn Đức Hiến

Trinh Thi Duyen

Trinh Thi Duyen

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	2.153.665.355	44.035.995.325
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(21.768.675.205)	(56.440.971.269)
02	- Khấu hao tài sản cố định	150.185.049	94.803.592
03	- Các khoản dự phòng	(261.987.091)	339.662.046
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(21.871.349.327)	(56.875.436.907)
06	- Chi phí lãi vay	214.476.164	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(19.615.009.850)	(12.404.975.944)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(43.853.629.875)	16.046.309.336
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	1.738.950.494	1.762.588.232
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	39.206.359.403	(2.496.613.089)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	21.317.616	6.133.289
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	104.011.868.520
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.672.278.065)	(6.075.557.950)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(29.174.290.278)	100.849.752.394
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH	-	-
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(398.535.390.000)	(83.494.651.300)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	388.417.300.000	126.694.651.300
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(4.165.000.000)	(322.975.100.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.100.000.000	121.012.600.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	21.871.349.327	56.875.436.907
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	15.688.259.327	(101.887.063.093)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	23.165.000.000	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(10.565.000.000)	(46.623.535)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	12.600.000.000	(46.623.535)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(886.030.951)	(1.083.934.234)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.857.465.888	2.941.400.122
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	971.434.937	1.857.465.888

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Trịnh Thị Duyên

Phụ trách kế toán Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Đại diện pháp luật)

Trịnh Thị Duyên

Nguyễn Đức Hiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng
Báo cáo tài chính hợp nhất)*

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/CP, tương đương 32.300.000 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 31/12/2023 là: 9 nhân viên.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội
(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Tầng 4, số 459 C phố Bạch Mai, P.
Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà
Nội

Cơ cấu tổ chức :

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong kỳ
1	Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định	Kinh doanh sách giáo khoa
2	Công ty CP Chợ Mơ	49%	49%	TP Hà Nội	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính

Theo thông báo số 118/2023/TB/VCTD-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Công ty CP phát triển TM Vinaconex gửi Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long về việc Công ty mua lại cổ phần theo Quyết định của Công ty để giảm vốn điều lệ; Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long đã có Quyết định số 3105/2023/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần VCTD hiện DST đang nắm giữ: 2.000.000 cổ phần;
- Số lượng CP chuyển nhượng: 600.000 cổ phần;
- Giá chuyển nhượng: 13.500 đ/cổ phần

Trong năm 2023, nguồn lợi nhuận đem lại cho Công ty chủ yếu là nguồn lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính liên quan đến chuyển nhượng cổ phần và đầu tư Trái phiếu.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các

bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

C.T.C.P. H.

H. H.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

2.13. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long và các Công ty con, bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
	Công ty con			
1	Công ty CP sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP. Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	658.286.030	353.521.487
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	313.148.907	1.503.944.401
Cộng	971.434.937	1.857.465.888

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.011.980.754	(3.483.598.954)	5.011.980.754	(3.252.025.954)
- Chứng khoán kinh doanh (*)	5.011.980.754	(3.483.598.954)	5.011.980.754	(3.252.025.954)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.011.980.754	(3.483.598.954)	5.011.980.754	(3.252.025.954)

(*) Chi tiết chứng khoán kinh doanh cuối kỳ

- Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu khí Nam Định: Số lượng 231.573 CP, giá trị 5.011.980.754 VNĐ. Đơn vị thực hiện trích lập dự phòng giám giá chứng khoán theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2023. Cụ thể như sau:

	SL CP	Giá gốc	Giá tại ngày 31/12/2023	Dự phòng
CP Công ty CP xăng dầu khí Nam Định	231.573	21.643	6.600	3.483.598.954

b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết (Xem chi tiết tại Phụ lục số 01)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Phải thu các phòng Giáo dục	2.171.055.467	2.529.074.965
Phải thu các trường	2.769.293.345	2.449.327.704
Các đối tượng khác	1.193.124.997	553.201.183
Cộng	6.133.473.809	5.531.603.852

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Kiểm toán TTP	75.000.000	75.000.000
Công ty CP Đầu tư Công nghệ SMARTTECH (1)	5.396.368.297	
Ông Nguyễn Duy Linh (2)	37.745.390.000	
Công Ty Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc		7.532.641
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Long	90.706.000	
Công Ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	16.710.930	
Cộng	43.324.175.227	82.532.641

(1) Đây là khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ SMARTTECH để mua trái phiếu Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp WinCommerce theo Hợp đồng đặt cọc mua Trái phiếu số 20122023/HD/SMT-DST ngày 20/12/2023. Số lượng mua: 5.396 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 VNĐ/Trái phiếu. Tổng giá trị hợp đồng: 5.396.368.297 VNĐ. Ngày 18/03/2024, Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán trái phiếu số 1832024/2024/GDMBTP/SMARTTECH-DST-VCM với Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ SMARTTECH và đã có xác nhận về việc sở hữu trái phiếu Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp WinCommerce. Theo đó số lượng TP DST sở hữu là: 5.396 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(2) Đây là khoản ứng trước cho Ông Nguyễn Duy Linh để mua trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát theo Hợp đồng đặt cọc mua Trái phiếu số 051222023/HDDC/NDL-DST ngày 05/12/2023. Số lượng mua: 3.275 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 VND/Trái phiếu. Tổng giá trị hợp đồng: 39.245.390.000 VND. Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán trái phiếu số 1601/2024/GDMBTP/NDL-DST-HPX ngày 16/01/2024 và hợp đồng mua bán trái phiếu số 0111032024/GDMBTP/NDL-DST-HPX ngày 11/03/2024 với Ông Nguyễn Duy Linh và đã có xác nhận về việc sở hữu trái phiếu Công ty cổ phần đầu tư Hải Phát. Theo đó số lượng TP DST sở hữu là: 3.150 TP.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Công nghệ SMARTTECH		-	16.000.000.000	-
Cộng	0	-	16.000.000.000	-

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	105.339.735	-	199.200.114	-
Tạm ứng	-	-	50.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.000.000	-	-	-
Phải thu khác ngắn hạn (*)	100.339.735	-	199.150.114	-
Cộng	105.339.735	-	199.200.114	-

(*) Chi tiết số dư:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty cổ phần đầu tư công nghệ Smarttech		42.082.192
Các khoản khác	100.339.735	157.067.922
Tổng cộng	100.339.735	199.150.114

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Đỗ Thị Hương	14.980.188	4.494.056	14.980.188	4.494.056
Trường Mầm non Lộc Vượng	31.025.300	15.512.650	31.025.300	15.512.650
Trường Mầm non Hoa Sĩa	18.910.400	9.455.200	18.910.400	9.455.200
KL Hưng Thịnh	351.849.331	194.069.331	-	-
Các đối tượng khác	19.943.300	9.971.650	19.943.300	9.971.650
Cộng	436.708.519	233.502.887	84.859.188	39.433.556

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	4.392.993.588	-	2.654.043.094	(651.340.091)
	4.392.993.588	-	2.654.043.094	(651.340.091)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiết phụ lục số 02

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ	-	700.003
- Chi phí chờ phân bổ	11.357.500	-
Cộng	11.357.500	700.003
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	21.425.928	53.401.041
Cộng	21.425.928	53.401.041

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiết phụ lục số 03.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
Công ty CP Giáo dục Cánh Diều	3.368.619.519	3.368.619.519	959.848.886	959.848.886
Công ty TNHH EDUCATION SOLUTION VN	-	-	165.442.400	165.442.400
Nhà sách giáo dục Bình Minh	-	-	347.639.400	347.639.400
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	1.445.959.641	1.445.959.641	1.888.957.105	1.888.957.105
Công ty CP đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	703.992.934	703.992.934	532.062.715	532.062.715
Các đối tượng khác	323.134.765	323.134.765	6.834.240	6.834.240
Cộng	5.841.706.859	5.841.706.859	3.900.784.746	3.900.784.746

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Phát hành sách Ninh Bình		23.985.069
Nhà sách Thanh Hằng	6.433.010	
Các đối tượng khác	179.971	687.000
Cộng	6.612.981	24.672.069

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		6.602.170	90.892.725	97.494.895		-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.181.894.561	508.579.916	6.672.278.065	41.140.810	6.059.337.222
Thuế Thu nhập cá nhân		22.545.139	122.616.823	146.308.071		
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		-	53.560.355	53.560.355		-
Các loại thuế khác		-	70.552.024	70.552.024		-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	5.091.021	5.091.021		-
Cộng	-	12.211.041.870	851.292.864	7.045.284.431	41.140.810	6.059.337.222

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	25.078.000	8.925.000
Bảo hiểm xã hội	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	270.924.750	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.727.273	975.818.182
Cộng	298.730.023	984.743.182

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 04)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Các cổ đông	323.000.000.000	100,0%	323.000.000.000	100,0%
	323.000.000.000	100%	323.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm trước VND	Năm nay VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	323.000.000.000	323.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	323.000.000.000	323.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

d. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.300.000	32.300.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81.000	81.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.219.000	32.219.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

f. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	53.618.207.947	49.809.284.204
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.000.000	30.000.000
Cộng	53.678.207.947	49.839.284.204

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hàng hóa	51.087.029.202	47.182.461.309
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.909.092	8.191.818
Cộng	51.097.938.294	47.190.653.127

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	1.208.181.582	258.373.799
- Lãi trái phiếu	-	4.921.702.768
- Chiết khấu thanh toán	1.153.001.124	449.002.550
-Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
-Lãi mua bán cổ phần	20.489.390.000	51.695.360.340
-Nhận cổ tức cổ phiếu kinh doanh	-	147.360.000
Cộng	22.850.572.706	57.471.799.457

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	214.476.164	-
- Chiết khấu thanh toán	261.803.335	473.796.878
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	151.141.818	1.458.909.900
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	15.900.000.000	11.094.851.920
- Lỗ mua bán cổ phần	-	183.746.650
- Khác	-	-
Cộng	16.527.421.317	13.211.305.348

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí khác bằng tiền	534.764.730	243.606.275
Cộng	534.764.730	243.606.275

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	38.009.013	51.338.848
- Chi phí nhân công	4.478.326.335	2.872.999.424
- Chi phí khấu hao	150.185.049	94.803.592
- Thuế, phí, lệ phí	55.560.355	10.316.355
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	487.069.454	244.545.122
- Chi phí khác bằng tiền	445.444.340	586.404.697
- Chi phí dự phòng	327.819.690	45.425.632
Cộng	5.982.414.236	3.905.833.670

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu nhập khác	40.972.728	1.413.727.705
Cộng	40.972.728	1.413.727.705

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	263.368.766	171.137.148
- Khác	155.848.751	861.766
Cộng	419.217.517	171.998.914

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.543.804.738	31.939.334.740
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.543.804.738	31.939.334.740
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.219.000	32.219.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	47,92	991,32

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	38.009.013	51.338.848
- Chi phí nhân công	4.478.326.335	2.872.999.424
- Chi phí khấu hao	150.185.049	94.803.592
- Chi phí dự phòng	327.819.690	45.425.632
- Thuế, phí, lệ phí	55.560.355	10.316.355
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	487.069.454	244.545.122
- Chi phí khác bằng tiền	980.209.070	830.010.972
Cộng	6.517.178.966	4.149.439.945

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	971.434.937		1.857.465.888	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.238.813.544	(203.205.632)	5.730.803.966	(45.425.632)
Các khoản cho vay	-		16.000.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754	(3.483.598.954)	5.011.980.754	(3.252.025.954)
Đầu tư dài hạn	56.000.000.000	-	80.000.000.000	
Cộng	68.222.229.235	(3.686.804.586)	108.600.250.608	(3.297.451.586)

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	6.140.436.882	4.885.527.928
Cộng	6.140.436.882	4.885.527.928

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	971.434.937			971.434.937
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.238.813.544	-		6.238.813.544
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754			5.011.980.754
Đầu tư dài hạn		56.000.000.000		56.000.000.000
Cộng	12.222.229.235	56.000.000.000	-	68.222.229.235
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.857.465.888	-		1.857.465.888
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.730.803.966	-		5.730.803.966
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-		16.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754			5.011.980.754
Đầu tư dài hạn		80.000.000.000		80.000.000.000
Cộng	28.600.250.608	80.000.000.000	-	108.600.250.608

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.140.436.882	-		6.140.436.882
Cộng	6.140.436.882	-	-	6.140.436.882
Số đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.885.527.928	-		4.885.527.928
Cộng	4.885.527.928	-	-	4.885.527.928

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 02/01/2024, Công ty có bổ nhiệm Bà Trịnh Thị Duyên giữ chức vụ phụ trách kế toán của Công ty, đồng thời miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với Ông Đoàn Văn Cường.

'Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động dịch vụ	Đơn vị tính: VND Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	53.618.207.947	-	60.000.000	53.678.207.947
Chi phí bộ phận	51.087.029.202	-	10.909.092	51.097.938.294
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.531.178.745	-	49.090.908	2.580.269.653
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				6.517.178.966
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(3.936.909.313)
Doanh thu hoạt động tài chính				22.850.572.706
Chi phí tài chính				16.527.421.317
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết				145.668.068
Thu nhập khác				40.972.728
Chi phí khác				419.217.517
Thuế TNDN hiện hành				508.579.916
Thuế TNDN hoãn lại				101.120.210
Lợi nhuận sau thuế				1.543.965.229

32. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	Ông Trần Minh Tuấn là thành viên HĐQT Công ty đồng thời là thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Smart Invest
Công ty CP đầu tư phát triển Vinaconex	Công ty sở hữu 9,47% CP của Công ty CP đầu tư phát triển Vinaconex
Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc

b. Giao dịch với bên liên quan

- Giao dịch phát sinh trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>
	VND
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000
Nhận tiền cho thuê văn phòng	49.500.000
Công ty CP đầu tư phát triển Vinaconex	
Vay ngắn hạn	12.600.000.000
Số dư các bên liên quan	Số cuối năm
Phải thu khách hàng	Số đầu năm
	VND
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	16.500.000
Vay ngắn hạn	
Công ty CP đầu tư phát triển Vinaconex	12.600.000.000

c. Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Kỳ này</u>
		VND
- Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	403.214.761
Cộng		403.214.761

(*) Ngoài Ông Bùi Việt Dũng có thu nhập thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao.

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Điều hành cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Người lập biểu

Trịnh Thị Duyên

Phụ trách kế toán

Trịnh Thị Duyên

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(2) Theo thông báo số 118/2023/TB/VCTD-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Công ty CP phát triển TM Vinaconex (VCTD) gửi Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long (DST) về việc Công ty mua lại cổ phần theo Quyết định của Công ty để giảm vốn điều lệ; Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long đã có Quyết định số 3105/2023/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần VCTD hiện DST đang nắm giữ: 2.000.000 cổ phần;
- Số lượng CP chuyển nhượng: 600.000 cổ phần;
- Giá chuyển nhượng: 13.500 đ/cổ phần

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin chi tiết về đầu tư vào các Công ty liên kết, Công ty khác của công ty tại ngày 31/12/2023 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chợ Mơ	Số 12 ngõ 69 phố ái Mộ. - Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - Hà Nội.	49,00%	49,00%	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	Số 459 Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	9,47%	9,47%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THẮNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Phụ lục số 02**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
Nguyên giá						
Số đầu năm	3.886.947.140	-	-	-	3.886.947.140	
- Mua trong năm	-	443.051.818	-	-	443.051.818	
- Đầu tư hoàn thành						
- Phân loại lại						
- Góp vốn bằng tài sản						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số cuối năm	3.886.947.140	443.051.818	-	-	4.329.998.958	
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	473.340.370	-	-	-	473.340.370	
- Khấu hao trong năm	94.803.592	55.381.457	-	-	150.185.049	
- Tăng khác						
- Phân loại lại						
- Góp vốn bằng tài sản						
- Thanh lý nhượng bán						
- Giảm khác						
Số cuối năm	568.143.962	55.381.457	-	-	623.525.419	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.413.606.770	-	-	-	3.413.606.770	
Tại ngày cuối năm	3.318.803.178	387.670.361	-	-	3.706.473.539	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Phụ lục số 03**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	12.600.000.000	-	23.165.000.000	10.565.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (1)	12.600.000.000	-	23.165.000.000	10.565.000.000	-	-
- Vay cá nhân	12.600.000.000	-	10.565.000.000	10.565.000.000	-	-
Cộng	12.600.000.000	-	23.165.000.000	10.565.000.000	-	-

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

(1) Hợp đồng vay số 03/2023/HĐV/VCTD ngày 11/09/2023 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex và Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long:

- Số tiền vay: 12.600.000.000 VND

- Lãi suất: 5,7%/năm

- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày Tiền vay được Bên cho vay chuyển vào tài khoản của Bên vay

- Mục đích vay: Phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Bên vay

- Số dư tại thời điểm 31/12/2023 là: 12.600.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Phụ lục số 04**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
	Số dư đầu năm trước	Số dư cuối năm trước						
Số dư đầu năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	37.469.118.824	9.300.812	360.446.545.173	
- Tăng vốn trong năm trước								
- Lãi (lỗ) trong năm trước					31.939.334.740	602.416	31.939.937.156	
- Tăng khác					3.272.405.873		3.272.405.873	
- Giảm khác								
Số dư cuối năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	72.680.859.437	9.903.228	395.658.888.202	
Số dư đầu năm nay	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	72.680.859.437	9.903.228	395.658.888.202	
- Tăng vốn trong năm nay								
- Lãi (lỗ) trong năm nay					1.543.804.738	160.491	1.543.965.229	
- Tăng khác								
- Trích lập các quỹ								
- Giảm khác					(64.344.946)		(64.344.946)	
Số dư cuối năm nay	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	74.160.319.229	10.063.719	397.138.508.485	

